

ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THU HÚT FDI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Đàm Quang Vinh*

Ngày nhận: 5/02/2015

Ngày nhận bản sửa: 12/02/2015

Ngày duyệt đăng: 25/02/2015

Tóm tắt:

Bài viết tập trung đánh giá quá trình thu hút FDI vào Việt Nam từ khi cải cách mở cửa đến nay. Các vấn đề trọng tâm là kết quả đạt được trong thu hút FDI; những vướng mắc và cản trở đối với dòng vốn FDI vào Việt Nam; triển vọng thu hút FDI những năm tới và một số gợi ý chính sách.

Từ khóa: FDI; tổng kết FDI; triển vọng thu hút FDI

Evaluation of FDI attraction process during Doi Moi period: Some policy implications

Abstract:

This study focuses on evaluation of Vietnam's FDI attraction process since implementing the "open door" policy. The key findings are related to FDI attraction achievement, the obstacles, and the perspective of FDI attraction in the future. The paper also gives some implications to vietnamese policy makers.

Keywords: FDI, overview of FDI; perspective of FDI attraction

1. Đặt vấn đề

Quan sát xu hướng kinh tế hiện nay, khi mà các yếu tố cấp bách như công ăn việc làm, thu nhập,... không còn là trọng tâm nữa; các yếu tố khai thác FDI theo chiều rộng đường như đã cạn kiệt tiềm năng, thì vấn đề khai thác những dự án FDI có tính lan tỏa tích cực, vấn đề gắn kết FDI với phát triển các chuỗi sản xuất, nâng cao năng lực và giá trị gia tăng cho doanh nghiệp trong nước là vấn đề được quan tâm hàng đầu. Vì vậy, bài viết bên cạnh việc tổng kết quá trình thu hút FDI vào Việt Nam, sẽ cố gắng đưa ra những gợi ý thu hút FDI theo hướng khai thác nguồn vốn này theo chiều sâu hơn, kết nối

và nâng cao năng lực cho các nhà sản xuất nội địa với các dự án FDI.

2. Tình hình thu hút FDI vào Việt Nam thời gian qua

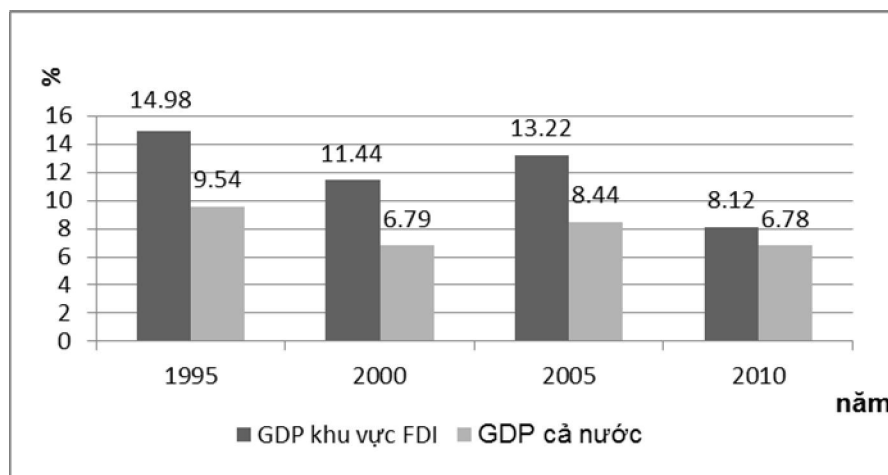
Tổng kết về tình hình thu hút FDI vào Việt Nam thường các tác giả đều tính đến mốc thời gian ngày 31 tháng 12 năm 1987, đây là ngày đánh dấu sự ra đời của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Tuy nhiên, phải sang thập niên 1990 trở đi, FDI mới thực sự trở nên mạnh mẽ.

Bảng 1 cho thấy là dòng FDI đóng một tỷ lệ quan trọng trong tổng nguồn vốn huy động toàn xã hội

Bảng 1: FDI thực hiện giai đoạn 1991-2015

Giai đoạn	FDI thực hiện (tỷ USD)	% FDI thực hiện/tổng vốn đầu tư toàn xã hội
1991 - 2000	20,67	24,32
2001 - 2011	69,47	22,75
2011 - 2015	58,40	-

Nguồn: Hàn Phi (2013); Cục Đầu tư nước ngoài (2015); và tính toán của tác giả

Hình 1: Tốc độ tăng GDP khu vực FDI/cả nước

Nguồn: Hàn Phi (2013)

Bảng 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo hình thức
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/01/2013)

TT	Hình thức đầu tư	Số dự án	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Vốn điều lệ (tỷ USD)
1	100% vốn nước ngoài	11.438	138,6	46,0
2	Liên doanh	2.577	54,7	18,6
3	Hợp đồng BOT, BT, BTO	14	5,6	1,3
4	Hợp đồng hợp tác KD	218	5,5	4,6
5	Công ty cổ phần	194	4,6	1,3
6	Công ty mẹ con	1	98,0	82,9
Tổng số		14.442	209,9	72,0

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2013)

trong thời gian qua.

Những đóng góp của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là tích cực. Đóng góp của FDI được ghi nhận đặc biệt ấn tượng ở tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với mức tăng GDP chung cả nước. Đây cũng là khu vực đóng góp lớn vào xuất khẩu khi nâng tỷ trọng từ 45,2% (2001) lên tới 64% (2012) tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (Hàn Phi, 2013). Các doanh nghiệp cũng góp phần thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất khẩu theo hướng giảm tỷ trọng sản phẩm khai khoáng, mặt hàng sơ cấp, tăng dần tỷ trọng hàng chế tạo và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Ở một khía cạnh khác, những phân tích về tính phân bố của dòng vốn này theo các tiêu chí như: hình thức đầu tư, đối tác đầu tư, địa bàn đầu tư, lĩnh vực đầu tư,... sẽ cho chúng ta thấy một bức tranh đa chiều, phản ánh các sự lựa chọn của nhà đầu tư nước ngoài khi tính đến lợi ích của việc khai thác lợi thế so sánh của địa phương, chính sách “đẫn luồng” FDI của chính phủ trung ương và chính quyền địa

phương ảnh hưởng đến các dòng vốn này.

Số liệu bảng 2 cho thấy nhà đầu tư nước ngoài thường lựa chọn hình thức 100% vốn chủ sở hữu, như vậy, sức lan tỏa của FDI đối với các nhà đầu tư Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam còn khá hạn chế. Điều đó có thể dẫn đến một giả thiết rằng dòng FDI vào Việt Nam thời gian qua, chưa thực sự tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia học hỏi, tiếp thu công nghệ và tham gia vào chuỗi giá trị của họ.

Về các lĩnh vực đầu tư nước ngoài, các ngành công nghiệp chế biến chế tạo hiện chiếm tỷ trọng đa số cả về số lượng dự án và số vốn đầu tư. Mặc dù điều này phản ánh đúng xu hướng, song cũng cần lưu ý là chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ là lĩnh vực rất phong phú về chủng loại sản phẩm và được chia thành nhiều ngành hẹp. Hơn nữa, vốn đầu tư cho các dự án trong lĩnh vực này cũng đòi hỏi tương đối lớn. Vì vậy, mặt dù đứng đầu danh sách, song chắc chắn thu hút FDI vào lĩnh vực này chưa thực sự đạt được như kỳ vọng vì hiện nay năng lực sản

Bảng 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo ngành
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/01/2013-số liệu làm tròn có thể có sai số nhỏ)

TT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (tỷ USD)	Vốn điều lệ (tỷ USD)
1	CN chế biến, chế tạo	8.072	103,4	37,5
2	KD bất động sản	387	49,7	12,6
3	Dv lưu trú và ăn uống	332	10,6	2,7
4	Xây dựng	929	9,8	3,5
5	SX, pp điện, khí, nước, đ.hòa	86	7,4	1,6
6	Thông tin và truyền thông	819	6,0	3,3
7	Nghệ thuật và giải trí	136	3,6	1,1
8	Vận tải kho bãi	346	3,4	1,0
9	Nông, lâm nghiệp; thủy sản	497	3,3	1,7
10	Khai khoáng	77	3,0	2,4
11	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	863	2,8	1,5
12	Tài chính, n.hàng, bảo hiểm	76	1,3	1,1
13	Cấp nước; xử lý chất thải	28	1,2	0,2
14	Y tế và trợ giúp XH	81	1,2	0,2
15	HĐ chuyên môn, KHCN	1,316	1,0	0,5
16	Dịch vụ khác	122	0,7	0,1
17	Giáo dục và đào tạo	160	0,4	0,1
18	Hành chính và dv hỗ trợ	115	0,2	0,1
Tổng số		14.442	209,9	72,0

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2013)

xuất, cung ứng tại chỗ của Việt Nam cho các dự án công nghiệp vẫn còn rất thiếu. Các doanh nghiệp nội địa cho đến nay hầu như vẫn còn vắng bóng trong việc sản xuất các linh kiện, chi tiết công nghiệp công nghệ cao cho các chuỗi sản xuất công nghiệp của các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư nước ngoài hiện vẫn than phiền là ngay cả việc tìm một nhà cung cấp con vít nhỏ cũng khó (Hà Nguyễn, 2014).

Về các đối tác đầu tư nước ngoài, sau gần 30 năm thu hút FDI, đến nay Việt Nam đã tiếp nhận FDI từ 98 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong số các đối tác đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, các nước EU rất đáng tiếc chỉ đứng ở các thứ hạng bậc trung từ 20 đến 40. Đây là điều đáng lo ngại, bởi đối tác EU thường là những đối tác sở hữu nhiều công nghệ nguồn có giá trị. Các nhà đầu tư EU cũng được đánh giá là những nhà đầu tư nghiêm túc về các tiêu chuẩn luật pháp, môi trường, đặc biệt họ rất sẵn lòng chuyển giao công nghệ và quản lý. Khác với hầu hết các nhà đầu tư châu Á, đặc biệt là Trung Quốc – thường sử dụng chính sách nhân sự “vị chũng” một chính sách nhân sự khép kín với nhà quản lý và thậm chí cả lao động phổ thông tại chính quốc, các nhà đầu tư EU thường áp dụng chính sách nhân sự đa tâm và địa tâm –giành nhiều cơ hội cho lao động quản lý và phổ thông địa phương.

Xét theo các địa bàn tiếp nhận FDI, các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,... vẫn là những địa phương có sức thu hút FDI lớn do các điều kiện thuận lợi về hạ tầng, nhân lực và giao thương. Tuy nhiên, một số địa phương có thứ hạng cao trong thu hút FDI đã có xu hướng dịch chuyển về các vùng xa.

Qua phân tích các số liệu và tổng hợp từ các báo cáo nghiên cứu tổng kết cho thấy là trong hơn 25 năm thu hút FDI vào Việt Nam thì dòng vốn này có một số đặc điểm và những nguyên nhân cơ bản như sau:

Các dự án FDI tại Việt Nam nhìn chung là những doanh nghiệp tạo ra giá trị gia tăng thấp

Nguyên do là theo các báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì trên 80% doanh nghiệp FDI tại Việt Nam sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, chỉ có 5-6% số doanh nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, 14% doanh nghiệp sử dụng công nghệ thấp và lạc hậu (Hà Phi, 2013). Một số doanh nghiệp được coi là công nghệ cao nhưng những khâu sử dụng công nghệ cao lại không thực hiện ở Việt Nam (trường hợp của Samsung tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất “smartphone” là một ví dụ điển hình. Rõ ràng lĩnh vực Samsung đầu tư ở Việt Nam là lĩnh vực công nghệ cao, song khâu mà Việt Nam đảm nhận trong chuỗi giá trị của tập đoàn này đến nay

Bảng 4: 20 Đối tác đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/01/2013)

TT	Đối tác đầu tư	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (tỷ USD)	Vốn điều lệ (USD)
1	Nhật Bản	1.835	28,9	8,5
2	Đài Loan	2.235	24,9	10,0
3	Hàn Quốc	3.188	24,8	8,5
4	Singapore	1.096	24,6	7,0
5	British Virgin Islands	510	15,3	5,3
6	Hồng Kông	699	11,8	3,8
7	Hoa Kỳ	639	10,5	2,5
8	Malaysia	429	10,1	3,5
9	Cayman Islands	54	7,5	1,5
10	Thái Lan	298	6,0	2,6
11	Hà Lan	176	5,8	2,5
12	Brunei	130	4,8	0,9
13	Trung Quốc	893	4,6	2,3
14	Canada	126	4,6	1,0
15	Samoa	95	3,8	1,3
16	Pháp	375	3,1	1,6
17	Síp	13	2,7	0,9
18	Vương quốc Anh	162	2,6	1,5
19	Thụy Sĩ	93	1,9	1,3
20	Luxembourg	24	1,4	0,7
....
Tổng số		14.442	209,9	72,0

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2013)

hầu như chỉ là lắp ráp thành phẩm – phân khúc có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi sản xuất của các ngành công nghiệp) (Hà Nguyễn, 2014). Đây có lẽ là một hiện trạng mà chúng ta cần đặc biệt quan tâm trong thời gian tới, khi mà giai đoạn “vàng” của nguồn lao động đang dần qua đi, khi mà mức lương lao động Việt Nam chắc chắn phải tăng lên thì việc đòi hỏi các doanh nghiệp FDI đầu tư vào các phân khúc có giá trị gia tăng cao là điều tất yếu.

Tình trạng mất cân đối vùng miền, cơ cấu trong thu hút FDI vẫn là tồn tại lớn

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn FDI hiện tập trung chủ yếu tại địa bàn có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao được xây dựng tại các địa phương hiện không đủ khả năng tạo ra lợi thế khác biệt cho từng địa phương và vùng lãnh thổ trong việc hướng các dòng FDI vào việc theo đuổi mục tiêu hướng đầu tư nước ngoài vào địa bàn khó khăn của Chính phủ.

Việt Nam vẫn chưa thu hút được hết những đối tác mạnh về công nghệ

Đối tác đầu tư vào Việt Nam hiện nay chủ yếu đến từ châu Á. Các dự án FDI mà chủ đầu tư nước ngoài là doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn chiếm tỷ lệ cao. Theo số liệu trong báo cáo của Bộ Kế hoạch Đầu tư, hiện Việt Nam mới chỉ thu hút được trên 100 trong tổng số 500 tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu thế giới (Hàn Phi, 2013).

Đóng góp của các doanh nghiệp FDI chưa được như kỳ vọng

Một trong những vấn đề gây khó khăn cho Chính phủ Việt Nam hiện nay là việc giám sát tình trạng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI. Theo đánh giá của các chuyên gia tại nhiều hội thảo, thì tình trạng chuyển giá trên đã diễn ra phức tạp từ nhiều năm nay và là một tình trạng khá phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà còn khá phổ biến trên thế giới.

Có lẽ trong giai đoạn đầu thu hút FDI, các cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự để tâm đến hiện tượng này nhiều lắm, bởi họ chủ yếu quan tâm đến

Bảng 5: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo địa phương
(Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/01/2013)

TT	Địa phương	Số dự án	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Vốn điều lệ (tỷ USD)
1	TP Hồ Chí Minh	4.235	32,2	11,7
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	291	26,3	7,3
3	Hà Nội	2.473	23,3	8,7
4	Đồng Nai	1.106	20,1	7,8
5	Bình Dương	2.252	17,5	6,4
6	Hà Tĩnh	46	8,4	2,8
7	Hải Phòng	371	7,3	2,4
8	Thanh Hóa	44	7,1	0,5
9	Phú Yên	57	6,5	1,4
10	Hải Dương	274	5,3	1,6
11	Quảng Nam	79	4,9	1,2
12	Quảng Ninh	97	4,1	1,1
13	Bắc Ninh	296	4,1	0,8
14	Quảng Ngãi	23	3,8	0,6
15	Đà Nẵng	239	3,6	1,6
16	Long An	448	3,5	1,4
17	Kiên Giang	32	3,0	1,4
18	Vĩnh Phúc	147	2,4	0,7
29	Hung Yên	241	2,1	0,8
20	Thừa Thiên-Huế	67	1,9	0,4
...
Tổng số		14.442	209,9	72,0

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2013)

số lượng dự án và lượng vốn đầu tư. Điều này làm đẹp cho các báo cáo thành tích, và về mặt tích cực thì nó giúp giải quyết nhanh vấn đề thiếu việc làm trầm trọng trong nền kinh tế Việt Nam những năm đầu đổi mới. Tuy nhiên, để tình trạng trên diễn ra phổ biến và trong một thời gian dài đã tạo nên tình trạng lỗ giả, lãi thật, gây thất thu ngân sách, làm cho đa số bên Việt Nam phải rút khỏi liên doanh, doanh nghiệp trở thành 100% vốn nước ngoài.

Hơn nữa, điều này cũng tạo ra bất bình đẳng và gây thiệt thòi cho các doanh nghiệp Việt Nam vốn đã phải chịu nhiều khoản chi phí không tên, yếu kém đủ bề, giờ lại bị chèn lấn bởi các doanh nghiệp FDI vốn dĩ đã mạnh đủ bề, được ưu đãi nhiều trong Luật đầu tư nước ngoài, lại thêm việc trốn thuế thuận lợi từ việc chuyên giá mà các cơ quan quản lý nhà nước đang không kiểm soát nổi.

Các vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức

Các doanh nghiệp FDI nói riêng và hầu hết các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam nói chung chưa quan tâm đúng mức đến nhu cầu về nhà ở, đời

sống văn hóa ở các khu tập trung nhiều lao động. Hiện trạng này về lâu dài sẽ đẩy các chi phí sinh hoạt lên cao, làm giảm sức hút lao động tại các khu công nghiệp và làm suy giảm năng suất và chất lượng của lao động Việt Nam. Xét ở một khía cạnh truyền thống, có lẽ các doanh nghiệp cho rằng đây là vấn đề của người lao động và chính quyền sở tại. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp FDI tạo ra cộng đồng dân cư là người lao động lớn cũng chưa quan tâm đúng mức đến điều này như một phần trong nỗ lực về cam kết đóng góp lâu dài cho Việt Nam cũng như vì chính lợi ích của họ. Mặt khác, Chính phủ dường như cũng thiếu những sự hỗ trợ và cơ chế phù hợp để động viên các doanh nghiệp FDI quan tâm hơn đến các vấn đề xã hội cho người lao động.

3. Bối cảnh mới trong thu hút FDI vào Việt Nam

3.1. Bối cảnh trong nước

3.1.1. Những thuận lợi

Xem xét các bối cảnh chung của nền kinh tế trong nước, có thể thấy một số những thuận lợi cơ bản trong thu hút FDI thời gian tới như sau:

Các tiền đề phát triển kinh tế được cải thiện nhiều: Việt Nam giờ đã là một quốc gia có mức thu nhập trung bình, hạ tầng cơ sở đã được cải thiện khá nhiều và đang tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện mạnh mẽ; sản xuất và thương mại đã có những bước tiến dài cả về chất và lượng; các chỉ số kinh tế cơ bản như lạm phát, thất nghiệp,... về cơ bản không còn ở tình trạng nguy cấp đối với nền kinh tế nữa;

Nền tảng luật pháp, cơ chế thị trường đã được phát triển khá vững chắc. Niềm tin của các nhà đầu tư khi đổ vốn vào Việt Nam đã thay đổi hoàn toàn, giờ đây, đối với các nhà đầu tư không còn những lo ngại về các rủi ro “đánh tư bản” nữa mà chỉ là những toan tính về hiệu quả của đồng vốn mà thôi;

Việt Nam có các chính sách khuyến khích đầu tư thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Việc tìm kiếm các lợi thế đầu tư mới tại Việt Nam như hệ thống thuế linh hoạt và các chính sách ưu tiên khác... đang là mối quan tâm của các công ty và nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

3.1.2. Bối cảnh không thuận lợi

Bối cảnh không thuận lợi trong thu hút FDI hiện cũng không hề nhỏ khi nhìn tổng thể trên các mặt kinh tế, chính trị, luật pháp, hành pháp,...

Việt Nam đang thiếu hụt nguồn nhân lực được đào tạo trên bình diện toàn quốc cũng như theo cơ cấu vùng miền.

Một ví dụ cụ thể là vào năm 2011, Intel, hãng sản xuất chip điện tử hàng đầu của Mỹ, đã gặp trở ngại trong việc đầu tư vào Việt Nam khi số công nhân đủ trình độ tuyển dụng chỉ bằng một phần nhỏ số lượng yêu cầu (BBC, 2012).

Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là trở ngại lớn trong việc cạnh tranh thu hút FDI trong thời gian tới nói chung, cũng như cản trở việc tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Trong những năm trước, khi giá lao động Trung Quốc tăng nhanh, nhiều ý kiến đã cho rằng Việt Nam sẽ là điểm dừng chân tiếp theo của những nhà đầu tư muốn hướng về Châu Á. Cho tới nay, Trung Quốc, với giá lao động tối thiểu cao hơn Việt Nam rất nhiều, vẫn là điểm dừng chân hàng đầu cho các tập đoàn công nghệ khổng lồ của thế giới như Samsung, Apple nhờ những nỗ lực nâng cao chất lượng lao động. Họ đã đưa đội ngũ lao động cao cấp lên làm nòng cốt cho nền kinh tế trong lúc vẫn đảm bảo giá cả, chất lượng và năng suất sản xuất ở mức cạnh tranh so với thị trường lao động quốc tế từ rất sớm (BBC, 2012).

Doanh nghiệp nhà nước và sự thiếu minh bạch trong cấp phép đầu tư đang là những cản trở đối với

nguồn FDI đổ vào Việt Nam.

Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), bị coi là trở ngại lớn nhất với sự phát triển của khu vực tư doanh. DNNN còn được coi là lá chắn nguồn FDI từ bên ngoài suốt nhiều năm qua. Các doanh nghiệp này, bị các nhà đầu tư lên án là với số vốn lớn mạnh đã ra sức thao túng vị trí “đầu tàu của ngành”, chiếm thế độc quyền bằng cách mở rộng đa ngành để tạo khó khăn cho việc thâm nhập thị trường của các tập đoàn nước ngoài, ảnh hưởng đến mức FDI tiềm năng đổ vào Việt Nam những năm qua (BBC, 2012).

Tương lai kinh tế khó khăn, điều hành kinh tế lúng túng thể hiện sự thiếu vắng một tầm nhìn chiến lược.

Những chỉ số kinh tế cho thấy trong 5 năm đầu (2010- 2015) của giai đoạn 2010-2020 sẽ là giai đoạn rất khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Lạm phát trong năm 2012 đã giảm xuống mức đáng kể, thế nhưng những dư âm và hậu quả của mức lạm phát lên đến 23% của năm 2011 vẫn còn tồn đọng trong nền kinh tế hiện tại và tâm lý các nhà đầu tư (BBC, 2012).

Thủ tục hành chính rườm rà cản trở nguồn vốn FDI vào Việt Nam.

Thủ tục hành chính rườm rà không chỉ cản trở các dòng vốn FDI đến với Việt Nam, mà còn cản trở ngay chính dòng vốn này khi nó đã được phép đưa vào Việt Nam. Vốn FDI được đăng ký tại Việt Nam thường chênh lệch xa với lượng FDI thực hiện vì giải ngân quá chậm. Việc đưa vốn đầu tư vào thực hiện là một thử thách lớn đối với các doanh nghiệp FDI vì các thủ tục giấy tờ cũng như các điều khoản qui định đầu tư rắc rối, không rõ ràng, cộng thêm sự sách nhiễu của cán bộ công chức.

Cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu, đặc biệt là điện và hệ thống hạ tầng giao thông.

Vấn đề cơ sở hạ tầng không được đầu tư đúng nơi, đúng lúc và đúng mức độ đang là vấn đề gây quan ngại với giới đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là khi vấn đề mất điện và giao thông đình trệ có những ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Chỉ số môi trường kinh doanh quốc tế còn thấp - Việt Nam xếp hạng 99/185 về môi trường kinh doanh.

Bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh năm 2013 cho thấy Việt Nam vẫn còn loay hoay trong khu vực nền kinh tế có năng lực cạnh tranh thứ 100. Chỉ số môi trường kinh doanh không được cải thiện, thậm

Bảng 6. Xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam qua các năm gần đây

Năm	Xếp hạng	Năm	Xếp hạng
2005	98/175	2009	93/183
2006	104/175	2010	78/183
2007	91/178	2011	98/183
2008	92/181	2012	99/183

Nguồn: IFC&WB (2013)

chí tụt lùi trong những năm gần đây chắc chắn sẽ là một tín hiệu mà các nhà đầu tư nước ngoài cần tính đến khi quyết định đầu tư vào Việt Nam hay không.

3.2. Bối cảnh quốc tế

3.2.1. Bối cảnh thuận lợi

Trong bức tranh chung của bối cảnh thế giới ngày nay, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song bối cảnh thế giới hiện nay cũng tạo cho Việt Nam nhiều thuận lợi cơ bản:

Ngoại giao kinh tế đang phát huy tác dụng đối với Việt Nam. Sự gia tăng trong các mối quan hệ song phương gần đây giữa Việt Nam và các nước Nhật, Mỹ, Nga và kể cả EU cũng được cho là đang mở đường cho những nguồn FDI đầy tiềm năng.

Việt Nam có thể có một số thuận lợi từ sự dịch chuyển chiến lược. Căng thẳng chính trị giữa một số đối tác đầu tư và thương mại lâu năm trong khu vực, có thể dẫn đến việc các nhà đầu tư tại các quốc gia này dịch chuyển một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất của họ tại quốc gia đối nghịch và chuyển một phần nguồn vốn này sang Việt Nam. Một số ý kiến gần đây cho thấy các nhà đầu tư Nhật Bản đang rất quan tâm đến đầu tư vào Việt Nam, luồng vốn dự đoán là rất lớn trong thời gian tới. Các nhà đầu tư Nhật quan tâm đến Việt Nam– Indonesia– Philippines như những điểm đến quan trọng mà một số báo gọi là các điểm đến “VIP” (Thời báo Ngân hàng, 2013).

Khó khăn của nước khác, có thể sẽ là cơ hội cho Việt Nam. Một số quốc gia trong khu vực gặp khó trong thu hút FDI, hoặc các điều kiện cạnh tranh ở một số ngành. Một trong những nước “đối thủ” trong cạnh tranh thu hút FDI với Việt Nam là Trung Quốc đang gặp khó trong thu hút FDI đặc biệt ở những lĩnh vực vẫn còn là thế mạnh của Việt Nam do chi phí nhân công tăng; do những rào cản thương mại từ phía những khách hàng truyền thống của họ. Khó khăn này, đang khiến các nhà đầu tư tính chuyện chuyển hướng sản xuất sang Việt Nam.

Một số chuyên gia kinh tế nước ngoài cho biết: “Các biện pháp bảo hộ chống lại hàng xuất khẩu

Trung Quốc không chỉ làm tăng chi phí sản xuất mà còn cản trở sản phẩm của chúng tôi xâm nhập vào các thị trường nước ngoài”. Trong khi đó, Hoa Kỳ lại đối xử công bằng với các sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam. Hồng Kông tiếp tục là nhà đầu tư lớn tại Việt Nam, chủ yếu là các công ty hoạt động trong lĩnh vực may mặc. Việc di chuyển tới Việt Nam giúp các công ty Hồng Kông cắt giảm được 10 – 30% chi phí (Theo ông Paul So Wing, Chủ tịch Hội đồng Các nhà công nghiệp trẻ Hồng Kông) (Báo mới, 2010).

Những hứa hẹn từ môi trường liên kết kinh tế mới. Một trong những mô hình liên kết kinh tế khu vực đang được quan tâm lúc này là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP. Các chính phủ tham gia đàm phán TPP đang nỗ lực với quyết tâm rất cao để sớm ký kết hiệp định này. Cùng quan điểm với hầu hết các chuyên gia kinh tế và các nhà đàm phán Việt Nam, tác giả cho rằng tham gia TPP không những mở ra những triển vọng cho việc nâng cao sức cạnh tranh của những hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam – điều sẽ thúc đẩy các nhà đầu tư chuyển cơ sở sản xuất sang Việt Nam, mà còn giúp cải thiện tích cực môi trường chính sách và môi trường kinh doanh.

3.2.2. Bối cảnh không thuận lợi

Những năm đầu thế kỷ 21, thế giới phải đương đầu với nhiều thách thức vô cùng to lớn về cả các vấn đề môi trường, an ninh và cạnh tranh kinh tế chính trị toàn cầu. Một số vấn đề được xem là bối cảnh không thuận lợi cụ thể như sau:

Suy thoái kinh tế toàn cầu được dự đoán là sẽ còn kéo dài, đặc biệt là các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU gặp rất nhiều khó khăn và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn có thể làm trầm trọng thêm mức độ suy thoái hoặc kéo dài tình trạng suy thoái của nền kinh tế toàn cầu thêm nhiều năm nữa.

Môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế đường như đang gặp thách thức lớn, đặc biệt nghiêm trọng với Việt Nam là những xu hướng gia tăng các hoạt động quân sự trong khu vực có thể sẽ

làm chệch hướng các nguồn lực cho đầu tư phát triển cũng như làm chệch hướng các dòng FDI. Những căng thẳng trong tranh chấp lãnh thổ, tranh chấp vị thế chính trị dâng cao trên thế giới và trong khu vực những năm gần đây có thể sẽ chấm dứt giai đoạn mà xu hướng hòa bình, tập trung cho phát triển kinh tế hay các thuật ngữ “trỗi dậy trong hòa bình” có thể sẽ sớm chấm dứt. Điều này chắc chắn sẽ gây tổn hại đến sự phát triển kinh tế khu vực nói chung và khả năng thu hút FDI nói riêng vào khu vực và Việt Nam.

Việt Nam đang phải đối mặt với những “đối thủ” thu hút FDI mới đầy tiềm năng. Trong số những quốc gia mới nổi lên để cạnh tranh thu hút FDI với Việt Nam có lẽ đáng kể nhất là Campuchia – quốc gia nằm sát Việt Nam và hiện đang rất năng động về mọi mặt trong thu hút FDI. Một đối thủ nữa rất đáng quan ngại là Myanmar – quốc gia có quy mô dân số, diện tích khá tương đồng với Việt Nam gần đây đang nổi lên như một điểm đến đầy hấp dẫn đối với các dòng FDI. Myanmar có nhiều yếu tố mà Việt Nam đáng phải quan ngại như: lao động rẻ, dồi dào; tài nguyên thiên nhiên phong phú, ... những thứ mà Việt Nam vẫn thường coi như “bảo bối” trong thu hút FDI. Ngoài ra, dễ nhận thấy là mặc dù mới cải cách mở cửa, song Myanmar có nền tảng luật pháp, ngôn ngữ và môi trường chính sách thuận lợi hơn Việt Nam thời kỳ đầu đổi mới rất nhiều.

4. Một số gợi ý chính sách thu hút FDI vào Việt Nam những năm tiếp theo

Việt Nam đặt mục tiêu cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa vào năm 2020. Mặt khác, thực tế dân số Việt Nam đã chuẩn bị bước vào giai đoạn già hóa (Luu Bích Ngọc, 2015). Do vậy, cho dù với bất cứ lý do nào, Việt Nam đã ở thế dựa tường để phát triển nếu không muốn đất nước “già trước khi giàu”. Vì vậy, đổi mới cơ cấu, cải cách triệt để vừa là đòi hỏi thực tiễn, vừa là mệnh lệnh chính trị cấp bách và gắt gao đối với nền kinh tế Việt Nam trong những năm tiếp theo, trước mắt là tới 2020. Vì vậy, để tăng cường thu hút FDI trong bối cảnh mới ngày nay, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề sau:

4.1. Thu hút FDI không chỉ để giải quyết nhu cầu trước mắt

Tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động là mục tiêu cấp bách trong thu hút FDI thời kỳ đầu. Tuy nhiên, các dự án đầu tư như Coca-cola, Metro, ... đang khiến các nhà làm chính sách phải đặt ra nhiều câu hỏi về chính sách thu hút FDI (Ánh Hồng, 2014). Một thực tế là Việt Nam đã bắt đầu khan hiếm lao động phổ thông một cách cục bộ, vì

vậy, đã đến lúc không cần có dự án FDI bằng mọi giá nữa mà cần tính đến nâng cao năng lực công nghệ và cạnh tranh quốc gia, đảm bảo cho giai đoạn phát triển tiếp theo được liên tục theo hướng cất cánh nền kinh tế. Bài học quan trọng nhất của các nước NIC (Phuong Ngọc Thạch, 2013) trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, một cơ cấu sản phẩm phải tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế, tập trung thu hút FDI vào các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật, vốn cao do các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động mất khả năng cạnh tranh quốc tế khi sức lao động, đặc biệt là lao động rẻ không còn là lợi thế nữa.

4.2. Thu hút FDI cần đặt trong bối cảnh liên kết mạng sản xuất quốc gia, khu vực và toàn cầu

Các cam kết hội nhập khu vực và quốc tế mà Việt Nam tham gia đang ngày càng sâu rộng. Vì vậy, không thể tiếp tục nhìn nhận nền kinh tế Việt Nam một cách riêng lẻ được nữa, hoạt động sản xuất cũng vậy. Trước hết cần coi trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài dựa trên lợi thế của từng tỉnh và khu công nghiệp. Các cơ quan trung ương cần chủ động và cương quyết trong việc hoạch định và thực thi một quy hoạch tổng thể về các lĩnh vực cho từng địa phương và phối hợp trong việc hình thành mạng sản xuất hiệu quả trên phạm vi toàn quốc cũng như phải tính đến sự kết nối với mạng sản xuất toàn cầu và khu vực.

Để giải được bài toán này, trước hết Việt Nam cần đánh giá lại một cách tổng thể các lợi thế quốc gia và những nhân tố, cơ hội phát triển cho từng ngành, từng lĩnh vực để từ đó có một chính sách thu hút FDI phù hợp. Việc Nhà nước có chính sách tốt trong thu hút FDI phù hợp với điều kiện thực tế là chưa đủ để Việt Nam đạt được các nấc thang giá trị cao hơn trong mạng sản xuất toàn cầu. Chính các doanh nghiệp trong nước mới nắm chìa khóa vàng cho Việt Nam tham gia mạng sản xuất toàn cầu. Vì vậy, Chính phủ cần thực tâm, quyết liệt giúp đỡ các doanh nghiệp trong nước trong việc trở thành các đối tác trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

4.3. Cần quan tâm đặc biệt đến đầu tư và hiệu quả đầu tư vào hạ tầng cơ sở nền kinh tế

Cơ sở hạ tầng của Việt Nam mặc dù có sự cải thiện rõ ràng, song thực sự vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trong nước. Một trong những chỉ số tổng hợp phản ánh tình trạng này là chi phí logistics Việt Nam hiện rất cao (Đàm Quang Vinh

và cộng sự, 2014).

4.4. Cần đặc biệt quan tâm kiểm chế chi phí đất đai và mặt bằng kinh doanh

Đất đai, mặt bằng kinh doanh hiện được xem như là những tài sản có giá trị tại Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta cần có quan điểm rõ ràng là bất động sản, đất đai không chỉ là tài sản, mà quan trọng hơn nó là tư liệu sản xuất. Nếu nhìn bất động sản, đất đai là tài sản thì việc tăng giá như thời gian vừa qua là có lợi. Tuy nhiên, nếu nhìn nó là tư liệu sản xuất, việc tăng giá bất động sản, đất đai sẽ đẩy chi phí đầu vào cho các hoạt động kinh doanh, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam, như vậy sẽ không chỉ gây khó khăn chung cho các hoạt động kinh tế mà còn làm giảm sức hút đối với các dự án FDI vào Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Ảnh Hồng (2014), *Thêm nghi án Metro lỗ*, Truy cập ngày 16.9.2014, từ <<http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20121211/them-nghi-an-metro-lo/524353.html>>.
- Báo mới (2010), *Cơ hội thu hút đầu tư vào Việt Nam*, Truy cập ngày 29/04 2014, từ <<http://www.baomoi.com/Co-hoi-thu-hut-dau-tu-vao-Viet-Nam/45/4459373.epi>>.
- BBC (2012), *Tại sao giới đầu tư chán Việt Nam?*, Truy cập ngày 29/4 2014, từ <http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2012/08/120802_vn_less_investment.shtml>.
- Cục Đầu tư nước ngoài (2013), *Lũy kế đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*.
- Cục Đầu tư nước ngoài (2015), *Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài đến 15 tháng 12 năm 2014*.
- Đàm Quang Vinh và cộng sự (2014), 'Cơ sở lý luận về quản trị chuỗi cung ứng quốc tế và khả năng ứng dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam', Đề tài cơ sở, Đại học Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Hà Nguyễn (2014), *Công nghiệp hỗ trợ Việt không sản xuất nổi cái ốc vít*, Truy cập ngày 16.9.2014, từ <<http://baodautu.vn/cong-nghiep-ho-tro-viet-khong-san-xuat-noi-cai-oc-vit.html>>.
- Hàn Phi (2013), *97 tỷ USD vốn FDI cho Việt Nam sau 25 năm*, Truy cập ngày 29/4 2014, từ <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/97-ty-usd-von-fdi-cho-viet-nam-sau-25-nam-2727188.html>>.
- IFC&WB (2013), *Economy Rankings, Doing Business 2013*.
- Lưu Bích Ngọc (Biên soạn, 2015), *Tăng hiệu suất sử dụng lao động: không lạc quan với dư lợi dân số*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế Việt Nam 2015 - Khơi nguồn động lực tăng trưởng trong bối cảnh mới của hội nhập.
- Phương Ngọc Thạch (2013), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam: Tồn tại và kiến nghị*, <<http://www.vysajp.org/news/tin-ngoai/kinh-te-xa-hoi/thu-hut-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai-o-viet-nam-ton-tai-va-kiem-nghi/>>.
- Thời báo Ngân hàng (2013), *Nhật Bản chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang ASEAN*, Truy cập ngày 29/4/2014, từ <<http://www.thoibaonganhang.vn/tin-tuc/7-nhat-ban-chuyen-dau-tu-tu-trung-quoc-sang-asean-12147.html>>.

Thông tin tác giả:

***Đàm Quang Vinh**, Tiến sỹ kinh tế

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế

- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Kinh tế và Dự báo; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: damquangvinhneu@gmail.com

5. Kết luận

Thu hút FDI trong bối cảnh mới cần có một quan điểm thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến các địa phương. Quan điểm chủ đạo trong thời gian tới là phải tạo cơ chế, chính sách để lựa chọn những dự án có giá trị gia tăng cao, có sức lan tỏa và khuyến khích các doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; khuyến khích các dự án “xanh”, nâng cao điều kiện môi trường và giám sát chặt các dự án về tiêu chuẩn môi trường và tiêu hao năng lượng,... Cần triệt để tránh những dự án và những nhà đầu tư có tiêu chuẩn công nghệ, môi trường thấp, tránh tiếp nhận các dự án bằng mọi giá đến mức cho họ được mặc sức đem lao động phổ thông vào Việt Nam trong khi chúng ta vẫn có đủ lao động tại chỗ. □